|  |
| --- |
| **BOOTSTRAP 3** |
| **1. Tổng quan về Bootstrap 3** |
| - BootStrap được trang bị với HTML, CSS, JS cho nhiều thành phần web  - BootStrap là một khuôn khổ front-end dựa trên các mẫu thiết kế cho các thành phần giao diện người dùng như Typograph, Button, Navigation, Dropdown ….  - Có khả năng mở rộng thêm với Javascipt |
| **2. Cài đặt BootStrap** |
| - Truy cập : https://getbootstrap.com/ 🡺 Tải về rồi nhúng  - Nhúng trực tiếp: |
| **3.Grid System** |
| Trong BootStrap , grid system được chia thành 12 cột  Mỗit thành phần trong BootStrap đều được gói trong 2 thành phần chính là **“.container**” 🡺 “ .**row** “  Các ký hiệu trong grid System:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Thiết bị hỗ trợ** | **Độ rộng** | **Chú thích** | | **.col-xs-$** | Extra small | < 768px | Điện thoại | | **.col-sm­-$** | Small | >= 768px | Tablet | | **.col-md-$** | Medium | >= 992 px | Destop nhỏ | | **.col-lg-$** | Large | >= 1200 px | Destop to | | .col-xs-**offset**-$ | Dùng canh lề trái cho cột  vd: class= “**col-xs-offset-2 col-xs-10**”  Sẽ tạo một thẻ nằm từ cột thứ 3 tới cột thứ 10 trong hàng | | |   -- Ký hiệu $: 1 => 12 số lượng cột đối tượng chiếm trong tổng 12 cột |
| **4. Table** |
| |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.table** | Dùng table của Bootstap | | **.table-striped** | Bảng kẻ sọc trắng đen | | **.table-bordered** | Bao bọc bảng và bo góc | | **.table-hover** | Hover vào dòng sẽ chuyển màu | | **.table-condensed** | Làm nhỏ bảng lại cho gọn | | **.table-responsive** | Bảng thu nhỏ theo trình duyệt |   Ở các dòng **<tr>** có thể thêm màu sáng bằng các class: **waring**, **danger**, **active**,…… |
| **5. Breadcrumbs** |
| Breadcrumbs : Tập hợp các đường link phân cấp :  <div class="row">        <ul class="breadcrumb">            <li><a href="#">Trang Chủ</a></li>            <li><a href="#">Bootstrap</a></li>            <li class="active">Breadcrumb & Images</li>        </ul>  </div> |
| **6. Images** |
| |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.img-rounder** | Bo góc cho ảnh | | **.img-circle** | Ảnh nằm trong hình tròn | | **.img-thumbnail** | Ảnh kiểu thumbnail ( thu nhỏ ) | | **.img-responsive** | Thu phóng ảnh theo trình duyệt | |
| **7. Pagination - Đánh số trang** |
| <ul class="pagination">         <li><a href="#">&laquo;</a></li>         <li><a href="#">1</a></li>         <li><a href="#">2</a></li>         <li><a href="#">3</a></li>         <li><a href="#">4</a></li>         <li><a href="#">5</a></li>         <li><a href="#">&raquo;</a></li>  </ul>   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.pagination** | Sử dụng pagination của BootStrap | | **.active** | Các trang được click vào | | **.disable** | Các trang không click vào được ( trang hiện tại ) |   **Tạo nút Previous page và Next page:**  <ul class="pager">  <li><a href="#">Previous</a></li>  <li><a href="#">Next</a></li>  </ul>   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.pager** | Tạo nút điều hướng trang của BootStrap | |
| **8. Labels - Dán nhãn** |
| |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.label** | Sử dụng label của BootStrap | | **.label-primary** | Nhãn nguyên gốc - xanh dương đậm | | **.label-success** | Nhãn thành công - xanh lá | | **.label-warning** | Nhãn cảnh báo - cam | | **.label­-info** | Nhãn thông tin - xanh dương nhạt | | **.label-danger** | Nhãn Nguy Hiểm - đỏ | |
| **9. Panel - Các khối block sidebar** |
| <div class="**panel panel-default** *hoặc* **panel-primary …** ">    <div class="**panel-heading**">Học bootstrap 3 miễn phí tại freetuts</div>    <div class="**panel-body**">Đây là nội dung khóa học.....</div>  </div>     |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.panel** | Sử dụng panel của BootStrap | | **.panel-heading** | Tiêu đề của panel | | **.panel-body** | Nội dung của panel | | **.panel-default** | Xám | | **.panel-primary** | Xanh dương đậm | | **.panel-warning** | Cam | | **.panel-info** | Xanh dương nhạt | | **.panel-danger** | Đỏ | |
| **10. Typography** |
| Các thẻ <h1> <h2> …… có cùng kiểu hiển thị với thẻ có class=”h1” , “h2”…..  Tuỳ trường hợp mà sử dụngc các class này   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.text-left** | Canh lề trái | | **.text-center** | Canh giữa | | **.text-right** | Canh phải | | **.text-justify** | Canh đều nội dung | | **.text-lowercase** | in thường | | **.text-uppercase** | IN HOA | | **.text-capitalize** | In Hoa Chữ Cái Đầu | | **.text-muted** | Chữ màu xám | | **.text-important** | Chữ màu xanh nhạt | | **.text-success** | Chữ màu xanh lá cây | | **.text-note** | Chữ màu xanh đâm | | **.text-warning** | Chữ màu nâu | | **.text-error** | Chữ màu đỏ | |
| **11. Form** |
| <form class=”form->     <div class="**form-group**">         <label class="**control-label**">>Email</label>         <input type="email" class="**form-control**" placeholder="Email">     </div>  </form>  - Trong bootstrap các phần bên trong form đều nằm trong một thẻ có class = "**form-group**"  - Thêm class=”control-label” vào thẻ label để sử dụng được class col-xs-$   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<form>** | **.form-horizontal** | Định dạng kiểu form ngang | | **.form-inline** | Định dạng form inline | | **<div>** | **.form-group** | Xác định nội dung bên trong form | | **<label>** | **.form-label** | Xác định label | | **<input>** | **.form-control** | Xác định thẻ input | |
| **12. Button** |
| Các thẻ button của BootStrap phải khai báo bằng class **.btn**   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.btn** | Khai báo là button | | **.btn-primary** | Nút xanh dương đậm | | **.btn-success** | Nút màu xanh | | **.btn-info** | Nút màu xanh dương | | **.btn-warning** | Nút màu cam | | **.btn-danger** | Nút màu đỏ | | **.btn-link** | Nút có dạng click liên kết | | **.btn-lg** | Nút size large | | **.btn-sm** | Nút size small | | **.btn-xs** | Nút size extra small | | **.btn-block** | Nút dạng block | | **.active và .disable** | Thể hiện nút được click hay không |     **- Button Group : Tạo nhóm các nút kế nhau**  **Dùng 1 thẻ <div class=”btn-group> để bọc các thẻ <button>**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<div>** | **.btn-group** | Khai báo button group | | **.btn-toolbar** | Các btn nằm ngang và dính nhau | | **.btn-vertical** | Button Group nằm dọc | | **.btn-group-lg**  **.btn-group-sm**  **.btn-group-xs** | Kích thước của các button group | |
| **13. List Group** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<ul> / <ol>** | **.list-unstyled** | Bỏ các icon của list | | **.list-inline** | Tạo list nằm ngang | | **.list-group** | Tạo list group, phải đi kèm .list-group-item | | **<li>** | **.list-group-item** | Dùng trong thẻ <ul class= “list-group” > | | **<a>** | **.list-group-item** | Tạo dánh sách liên kết dạng như list-group | |
| **14. Navs menu -** |
| <ul class="nav nav-tabs">      <li><a href="">Trang chủ</a></li>      <li><a href="">Giới thiệu</a></li>      <li><a href="">Liên hệ</a></li>  </ul>     |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<ul>** | **.nav** | Mặc định | | **.nav-tabs** | Nav nằm ngang dính liền | | **.nav-pills** | Nav nằm ngang tách rời nhau | | **.nav-stacked** | Nav nằm dọc | |
| **15. Navigation** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<nav>** | **.navbar** | Mặc định | | **.navbar-default** | Navigation trắng đen | | **.navbar-inverse** | Navigation nền đen | | **.navbar-toggle** | Navigation dạng xổ xuống | | **.navbar-static-top** | Không bo tròn Navbar | | **.navbar-fixed-top** | Navbar dính trên top | |  |  | |  | |   - Chia phần nội dung trong navigation thành 2 phần là : **navbar-header** chứa **navbar-brand** và **navbar-collapse** chứa **nav navbar-nav**   <nav class="navbar navbar-inverse">      <div class="navbar-header">         <a href="" class="navbar-brand">Freetuts.net</a>      </div>        <div class="navbar-collapse">         <ul class="nav navbar-nav”>             <li><a href="">Trang chủ</a></li>             <li><a href="">Giới thiệu</a></li>             <li><a href="">Tin tức</a></li>             <li><a href="">Thương hiệu</a></li>             <li><a href="">Liên hệ</a></li>         </ul>      </div>  </nav>     |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<ul class=“nav navbar-nav”>** | **.navbar-right** | bay qua phải | | **.collapse** | Biến mất khi trình duyệt thu nhỏ |   Để sử dụng được tính năng biến mất ta phải tạo một nút ấn hiện ra khi trình duyệt thu nhỏ, khai báo trong thẻ <div class=”navbar-header”>  <div class="navbar-header">  **<button type="button" class="navbar-toggle" data-toggle="collapse" data-target="#menu">**  **<span class="sr-only">Toggle navigation</span>**  **<span class="icon-bar"></span>**  **<span class="icon-bar"></span>**  **<span class="icon-bar"></span>**  **</button>**      <a href="" class="navbar-brand">Freetuts.net</a>  </div>  - Sử dụng .navbar-form để làm khu vực tìm kiếm , đăng nhập ở navbar  <form action="" class="**navbar-form navbar-right**" method="post">          <div class="form-group">              <input type="text" class="form-control" placeholder="Nhập email vào">          </div>          <div class="form-group">              <button type="submit" class="btn btn-info">Nhận Tin</button>          </div>  </form> |
| **16. Dropdown menu** |
| <li class="dropdown">     <a data-toggle="dropdown" href="">Tài khoản<span class="caret"></span></a>     <ul class="dropdown-menu">         <li><a href="#">Thông tin</a></li>         <li><a href="#">Đổi mật khẩu</a></li>         <div class="divider"></div>         <li><a href="#">Thoát</a></li>     </ul>  </li>  Thường dùng dropdown menu trong phần navbar-collapse của thanh Navbar |
| **17. Helper Class - Các class hỗ trợ** |
| |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **.bg-primary** | Background màu xanh dương | | **.bg-success** | Background màu xanh lá cây | | **.bg-info** | Background màu xanh dương nhạt | | **.bg-warning** | Background màu vàng | | **.bg-danger** | Background màu đỏ | | **.center-block** | Cho block nằm giữa | | **.pull-left** | Giống float-left | | **.pull-right** | Giống float-right | | **.clear-fix** | Giống clear-both | |
| **18. Jumbotron - Well - Progress Bar** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ký hiệu Class** | **Chú thích** | | **<div>** | **.jumbotron** | Tạo vùng nội dung màu xám như kiểu chú thích | | **.well** | Tạo vùng nội dung màu xám như kiểu chú thích | | **.progress-bar** | Khai báo tạo ra progress bar | |  | **.progress-striped** | Thanh progress bar có sọc xanh dương | |  | **.progress-bar-success** | Thanh progress bar màu xanh lá cây | |  | **.progress-bar-info** | Thanh progress bar màu xanh dương nhạt | |  | **.progress-bar-warning** | Màu cam | |  | **.progress-bar-danger** | Màu đỏ | |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |